

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 35/2023/DS-ST
Ngày 28/7/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Ngọc Thắng.
2. Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Đình T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh B- Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Khắc P– Luật sư Công ty luật TNHH N thuộc đoàn luật sư tỉnh B. Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh B- Có mặt.

- Bị đơn: Anh Tăng Văn H, sinh năm 1992; Địa chỉ: Bản T, xã Đ, huyện Y, tỉnh B- Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Tăng Thị H, sinh năm 1985 (vợ ông T); Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh B- Có mặt.

2. Ông Tăng Văn C, sinh năm 1974 (bố đẻ anh Hải); Địa chỉ: Bản T, xã Đ, huyện Y, tỉnh B- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (ông Phan Đình T) trình bày:

Ông và anh Tăng Văn H có mối quan hệ trong gia đình (anh H là em con ông chú ruột vợ ông). Anh Tăng Văn H đi làm thợ xây cùng ông từ năm 2008 đến năm 2022. Khi làm thợ xây cùng ông, anh H thường hay vay tiền của ông để chi tiêu cho cá nhân sau đó trừ vào tiền công làm thợ, còn nợ thì được trừ vào đợt trả tiền công thợ các tháng tiếp theo. Năm 2021 anh H có hỏi vay của ông tiền nói để mua xe máy trả góp, sau 4 tháng thì trả, ông nhất trí cho anh H vay. Năm 2022 anh H không làm thợ xây cho ông nữa và vẫn còn nợ của ông tiền vay, vợ ông là bà Tăng Thị H đã mang sổ theo dõi công thợ của ông lên nhà anh H đối chiếu công nợ. Sau khi đối chiếu xong, anh H đã viết vào sổ của ông, nội dung ghi “em còn nợ cũ 60.000.000đ” và ký tên vào sổ của ông. Tuy nhiên, sau khi ký nhận nợ anh H không trả cho ông số tiền nào, ông điện đòi tiền nhiều lần nhưng anh H không trả, sau đó thì cố tình không nghe máy, không có thiện chí trả nợ. Vì vậy, ông đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Tăng Văn H phải thanh toán trả cho ông tổng số tiền vay gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu lãi. Ông xác định khi anh H vay tiền thì anh H đang làm thợ xây cho ông, một mình anh H hỏi vay và để chi tiêu cá nhân anh H nên chỉ yêu cầu một mình anh H phải có trách nhiệm trả nợ tiền vay cho ông. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì khác nữa.

Bị đơn (anh Tăng Văn H) trình bày: Anh và ông T, bà H có mối quan hệ anh em trong gia đình, anh là con ông chú ruột của bà H. Anh xác định ông T có đơn khởi kiện và trình bày về việc anh vay số tiền 60 triệu đồng là không đúng. Anh đã được xem giấy vay nợ ở dòng đầu tiên có ghi "Hải vay tiền 2022" anh xác định từ dòng đầu tiên đến dòng thứ 18 ghi "12/5. 25.000.000đ gửi Quang" không phải là chữ do anh viết, còn 03 dòng cuối của tờ giấy ghi nội dung "Em còn nợ cũ 60.000.000đ; H; Tăng Văn H" là chữ viết và chữ ký của anh, do vào một ngày cuối năm 2022, anh không nhớ ngày tháng cụ thể, hôm đó anh đang ở nhà cùng với người nhà (không nhớ có những ai) thì một mình bà H đến nhà anh yêu cầu anh viết như vậy nên anh đã viết theo yêu cầu của bà H. Bà H yêu cầu anh viết như vậy là vì bà H nói anh ứng tiền công hàng năm từ ông T đã thừa tiền so với ngày công anh làm thợ xây cho ông T và còn nợ 60 triệu tiền anh ứng trước công thợ xây, lúc đó mặc dù anh không có sổ sách theo dõi ngày công anh làm cho ông T để đối chiếu nhưng anh vẫn ký nhận theo yêu cầu của bà H. Anh xác định có 01 sổ theo dõi nhưng để ở chỗ làm không cầm về, anh không biết có còn hay không để giao nội cho Tòa án. Anh làm thợ xây làm công cho ông T (vì ông T là cai xây dựng) từ khoảng năm 2007, 2008 đến cuối năm 2022 thì anh không làm cho ông T nữa mà về nhà làm hộ bố anh vì bố anh cũng làm thợ xây và nhận được công trình tại quê. Khi làm cho ông T thì ông T trả công cho anh theo thỏa thuận, khi nào cần tiền thì anh báo ông T ứng tiền công cho anh nhưng hai bên không làm giấy tờ gì mà chỉ thanh toán đưa tay với nhau. Anh xác định không vay tiền 60 triệu đồng của ông T để mua xe mô tô SH như ông T trình bày tại Tòa án.

Anh xác định giữa anh và bà H có đối chiếu công nợ như anh đã trình bày ở trên, còn việc khi đối chiếu công nợ bà H nói hai người đều đem sổ theo dõi ra đối chiếu là không đúng, mà chỉ có bà H đưa sổ theo dõi ra cho anh xem các số liệu ông T ghi tiền

công của anh và tiền anh vay ông T, bà H. Bà H yêu cầu anh ký thì anh ký vào sổ của bà H, còn sổ anh theo dõi của anh thì anh để ở chỗ làm không mang về nên khi đối chiếu anh không có sổ của anh mà chỉ có sổ của bà H. Vì vậy, khi đối chiếu thấy số tiền anh còn nợ bà H, anh Tĩnh thể hiện trong sổ theo dõi bà H mang đến đối chiếu là 60 triệu đồng nên anh mới viết còn nợ bà H, ông T 60 triệu đồng như đã nêu ở trên. Anh xác định không còn nợ 60 triệu đồng của anh Tĩnh, bà H như anh đã viết và ký nhận nợ theo yêu cầu của bà H khi hai bên đối chiếu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Tăng Thị H) trình bày: Mọi quan hệ giữa bà và anh H là chị em con chú, con bác ruột. Việc anh H trình bày nội dung chữ ký, chữ viết trong tờ giấy ông T giao nộp cho Tòa án ở 03 dòng cuối có ghi ""Em còn nợ cũ 60.000.000đ; H; Tăng Văn H" là do cuối năm 2022 bà lên nhà anh H yêu cầu anh H viết như vậy. Bà xác định bà có lên nhà anh H để đối chiếu công nợ giữa hai bên, lý do vì anh H làm công thợ xây cho chồng bà nhưng do anh H là con ông chú ruột bà nên khi làm thợ xây thường xuyên vay tiền của vợ chồng bà để chi tiêu trước, sau đó trừ vào tiền công thợ xây của anh H làm cho chồng bà. Tuy nhiên, số tiền anh H vay đều nhiều hơn số tiền công mà chồng bà phải thanh toán cho anh H hàng năm. Đến năm 2022 anh H không làm thợ xây cho chồng bà nữa nên bà một mình trực tiếp lên nhà anh H cầm theo sổ theo dõi để đối chiếu công nợ với anh H. Khi lên đến nơi thì có mặt cả bố mẹ anh H và vợ anh H ở nhà, bà còn ăn cơm tại nhà anh H xong thì bà với anh H mới cùng ngồi đối chiếu công nợ. Bà có một quyển sổ theo dõi và anh H cũng có một quyển sổ theo dõi ngày công làm thợ xây và số tiền anh H vay của vợ chồng bà. Khi đối chiếu sổ theo dõi thì chỉ có bà và anh H đối chiếu, còn mọi người nhà anh H có mặt ở nhà nhưng không tham gia và không chứng kiến việc đối chiếu giữa bà và anh H. Sau khi đối chiếu xong, xác định anh H còn nợ tiền vay của vợ chồng bà tổng số tiền là 60 triệu đồng nên anh H mới viết và ký nhận nợ với bà nội dung như đã nêu ở trên; Còn từ dòng đầu tiên có ghi "H vay tiền 2022" đến dòng thứ 18 ghi "12/5. 25.000.000đ gửi Quang" là chữ viết của chồng bà theo dõi số tiền anh H làm công thợ xây cho chồng bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Tăng Văn C) trình bày: Ông xác định không có liên quan gì về việc vay mượn tiền giữa ông T và anh H mà ông chỉ là bố đẻ của anh H. Anh H làm thợ xây cho ông T từ năm 2007 đến năm 2022 thì nghỉ không làm cho ông T nữa. Đến cuối năm 2022, ông không nhớ ngày tháng cụ thể, hôm đó có cả gia đình ông ở nhà thì có bà H là cháu ruột ông đến nhà ông, nói là đến đối chiếu công nợ giữa anh H và ông T, bà H còn ăn cơm với gia đình ông. Khi bà H và anh H đối chiếu công nợ thì có mặt cả gia đình ông nhưng chỉ có bà H và anh H ngồi đối chiếu, còn gia đình không tham gia. Ông có nghe thấy anh H nói anh H làm công cho ông T nên việc đối chiếu thì phải đối chiếu với ông T, còn thực tế anh H và bà H đối chiếu sổ sách như thế nào và anh H có ký nhận nợ số tiền bao nhiêu sau khi anh H đối chiếu với bà H thì ông không biết, vì ông không tham gia gì về việc này. Nay ông có ý kiến, đề nghị ông T mang toàn bộ sổ sách theo dõi chấm công và thanh toán tiền công giữa ông T và anh H từ năm 2007 đến năm 2022 đến đối chiếu cụ thể với anh H cho rõ ràng, cụ thể để tránh xảy ra việc mâu thuẫn giữa hai bên vì đều là quan hệ gia đình thân thích.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn, và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Tăng Văn H, ông Tăng Văn C chưa chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 275; 463, 466; 469; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đình T.

Buộc anh Tăng Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán trả ông Phan Đình T và bà Tăng Thị H số tiền còn nợ là: **60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng)**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Anh Tăng Văn H phải chịu 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; Ông Phan Đình T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Phan Đình T số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009115 ngày 29/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Anh Tăng Văn H, ông Tăng Văn C đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự có tên nêu trên.

Căn cứ đơn khởi kiện của ông Phan Đình T đây xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp:

[2].1. Ông Phan Đình T, bà Tăng Thị H và anh Tăng Văn H thỏa thuận về việc anh H còn nợ tiền vay thể hiện theo giấy nhận nợ ghi năm 2022, được xác nhận là hợp đồng hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2].2. Xét yêu cầu của ông Phan Đình T yêu cầu anh Tăng Văn H phải trả số tiền vay gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và lời phản bác của anh H xác định không vay tiền và không nợ ông T số tiền 60 triệu đồng, thấy rằng: Ông T xác định khi anh H còn làm thợ xây cho ông T, anh H thường hay ứng tiền công thợ trước và vay tiền của ông T để chi tiêu cá nhân còn nợ 60 triệu đồng, anh H đã viết và ký xác nhận nợ ông T số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Anh H cũng thừa nhận chữ viết và chữ ký xác nhận nợ ông T số tiền 60 triệu đồng là do anh H viết và ký khi bà H mang sổ lên nhà anh H đối chiếu công nợ vào cuối năm 2022, nhưng xác định do lúc đó anh H không có sổ theo dõi riêng nên đã viết theo yêu cầu của bà H, thực tế thì anh H không nợ ông T số tiền 60 triệu đồng. Anh H xác định có sổ theo dõi tiền công thợ riêng của anh H nhưng do để ở chỗ làm nên không xuất trình cho Tòa án để chứng minh việc anh H không còn nợ tiền của ông T được. Bà H xác định khi bà H và anh H đối chiếu công nợ thì bà H và anh H đều mang sổ theo dõi riêng của mỗi người ra đối chiếu, anh H xác định còn nợ 60 triệu đồng nên mới viết và ký nhận nợ số tiền 60 triệu đồng vào sổ theo dõi của ông T. Việc anh H ký nhận nợ là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc hay lừa dối gì, vì khi đối chiếu là ở tại nhà anh H có tất cả người nhà anh H ở tại nhà, hai bên không xảy ra việc tranh chấp, mâu thuẫn gì khi đối chiếu công nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh H xác định khi viết giấy nhận nợ ông T 60 triệu đồng là viết theo yêu cầu của bà H khi bà H và anh H đối chiếu công nợ theo sổ liệu trong sổ theo dõi của ông T, không có sổ theo dõi của anh H để đối chiếu nên anh H không thừa nhận còn nợ ông T số tiền 60 triệu đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết tại Tòa án anh H không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc anh H không còn nợ ông T số tiền 60.000.000đ như anh H trình bày, cũng không có căn cứ nào xác định khi anh H viết giấy nhận nợ do bị ép buộc hay bị lừa dối. Vì vậy, có căn cứ để xác định anh H còn nợ của ông T, bà H số tiền vay gốc 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), cần buộc anh H phải có trách nhiệm thanh toán trả ông T, bà H số tiền này.

[2].3. Xét việc ông Phan Đình T yêu cầu một mình anh Tăng Văn H phải có trách nhiệm trả số tiền vay gốc cho ông T, bà H, không yêu cầu ai khác phải trả nợ cùng anh H số tiền còn nợ ông T, bà H thấy rằng: Anh H vay tiền của ông T, bà H trong thời gian anh H làm thợ xây cho ông T và dùng để chi tiêu cá nhân nên xác định là nợ riêng của cá nhân anh H. Ông T, bà H xác định khi vay tiền thì chỉ có một mình anh H hỏi vay và nhận tiền, sau đó trừ vào tiền công thợ xây của anh H. Khi đối chiếu công nợ gia đình anh H không có ai tham gia đối chiếu, trong giấy nhận nợ chỉ có một mình anh H ký nhận số tiền còn nợ. Vì vậy, việc ông T, bà H yêu cầu một mình cá nhân anh H phải thanh toán trả khoản vay 60 triệu đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Yêu cầu của ông Phan Đình T được chấp nhận, vì vậy ông Phan Đình T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Tăng Văn H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 275; 463, 466, 469; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đình T.

Buộc anh Tăng Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán trả ông Phan Đình T và bà Tăng Thị H số tiền còn nợ là: **60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng)**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Anh Tăng Văn H phải chịu 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; Ông Phan Đình T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Phan Đình T số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009115 ngày 29/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án vắng mặt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Toàn